

Số: /TTYT-KD
V/v yêu cầu báo giá hoá chất

Lạng Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Biên bản Hội đồng khoa học Đơn vị ngày 7/6/2024 về việc thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của hoá chất đề nghị mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang;

Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua sắm hoá chất sinh hoá phục vụ công tác chuyên môn năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Phan Tú Thành

- Chức vụ: Trưởng Khoa Dược, vật tư – TTBYT

- Số điện thoại: 0983.410.126

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược, vật tư – TTBYT thuộc Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

- Nhận qua email: **phanthanh.bg@gmail.com**

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 10 tháng 6 năm đến trước 17h ngày 18 tháng 6 năm 2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **100 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Hoá chất sinh hoá đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan ALT	Dải tuyến tính: 8-800 U/L Phương pháp IFFC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Tris buffer (pH 7.4): 125 mM; D-LDH < 3500 U/L L-Alanine: 624 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản Thuốc thử 2 (R2) : NADH : 1.4 mM ; α -Ketoglutarate: 75 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản. ISO 13485;	1.500	ml
2.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Amylase	Dải đo: Serum: 3.1-2044 IU/L, Urine: 1.6-5308 IU/L Phương pháp: IFCC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): PIPES, pH 7.0 134 mM; MgCL2 12.5mM; Glucosidase >7.5 KU Thuốc thử 2(R2): EPS 8 mM ISO 13485;	160	ml
3.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan AST	Dải tuyến tính: 6-800 U/L Phương pháp: IFFC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Tris buffer (pH 7.8): 193 mM MDH: > 1000 U/L ; D-LDH: > 1000 U/L ; L-aspartate: 360 mM Thuốc thử 2 (R2): NADH: 1.7 mM; α -ketoglutarate: 90 mM ISO 13485;	1.500	ml
4.	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol	Dải đo: 1.25-701 mg/dL Phương pháp: CHOD-PAD Thành phần : 4-Chlorophenol 0.34 mM 4-Aminoantipyrine 0.34 mM Cholesterol esterase (CHE) \geq 1000 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) \geq 1000 U/L Peroxidase (POD) \geq 1500 U/L. ISO 13485	180	ml
5.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Creatinine kinase-MB	Dải tuyến tính: Lên tới 2000U/L Phương pháp: enzymatic immunoinhibition Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Imidazole buffer (pH 6.7): 100 mmol/L Hexokinase: 4.0 kU/L; NADP: 2.0 mmol/L; G6PDH: \geq 2.8 kU/L	60	ml

		ADP: 2.0 mmol/L; Magnesium Acetate: 10 mmol/L AMP: 5.0 mmol/L Thuốc thử 2 (R2): Diadenosine pentaphosphate: 10 mmol/L EDTA: 2.0 mmol/L; D-Glucose: 20 mmol/L Creatine Phosphate: 30 mmol/L; N-Acetyl Cysteine: 0.2 mmol/L; Anti-CK-M antibody: Variable ISO 13485;		
6.	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB	Thành phần: Dạng đông khô của huyết thanh người, có chứa thành phần CK-MB trong chất đệm	1	ml
7.	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB	Thành phần: Dạng đông khô của huyết thanh người, có chứa thành phần CK-MB trong chất đệm	2	ml
8.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinin	Dải đo: Serum: 0.03-31.1 mg/dL, Urine: 0.1-380 mg/dL Phương pháp: Jaffe kinetic Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) NaOH : 0.45M; Detergent : 0.4 % Thuốc thử 2 (R2) Picric acid Solution : 22mM	252	ml
9.	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Dải đo: 0.02-30.3 mg/dL. Phương pháp: DPD Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): DPD : 2.2 mM Chất hoạt động bề mặt Thuốc thử2 (RB): HCl : 120 mM ISO 13485.	840	ml
10.	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Dải tuyến tính: 0.04 -10 mg/dL. Phương pháp: DPD Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): DPD : 0.1 mM; HCl : 300 mM Chất hoạt động bề mặt Thuốc thử 2(R2): HCl : 300 mM Chất hoạt động bề mặt ISO 13485.	840	ml
11.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol	Khoảng tuyến tính: Lên tới 300mg/dL Thành phần : Thuốc thử lyoph: Buffer (pH 8.4): 2.3 mM; ADH: > 5800 U/L NAD+: 2.34 mM	40	ml

		Thuốc thử 1 (R1) Buffer (pH 9): 750 mM		
12.	Hóa chất xét nghiệm hoạt độ Gamma – Glutamyl Transferase (GGT)	Dải đo: 2.5-1110 U/L Phương pháp: IFCC enzymatic colorimetric Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Tris buffer (pH 8.2): 160 mM Glycyl-Glycine: 200 mM Thuốc thử 2 (R2): Tris buffer (pH 8.2): 20 mM GLUPA-C: 8 mM ISO 13485;	400	ml
13.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong máu	Dải đo: Serum: 0.4-611 mg/dL, Urine: 0.8-1115 mg/dL, CSF: 0.8-448 mg/dL. Phương pháp: Enzyme hexokinase Thành phần: Thuốc thử 1 (R1) Tris base, pH 7.8: 156 mM ; MgSO4 14 mM NAD 3.2 mM; ATP 3.1 mM Thuốc thử 2 (R2) Tris Base 500 mM; MgSO4 25 mM ; Hexokinase >20000 U/L G6PDH >22000 U/L ISO 13485;	720	ml
14.	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Thành phần : Anti-human-β-Lipoprotein antibody : Cholesterol Esterase 0.8 IU/ml Cholesterol Oxidase 4.4 IU/ml Peroxidase 1.7 IU/ml Ascorbate Oxidase 2.0 IU/ml Good's buffer pH=7.0 30 mmol/L N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3.5-dimethoxy-4-fluoroaniline (F-DAOS): 0.20 mmol/L 4-aminoantipyrine 0.67 mmol/L	432	ml
15.	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	Thành phần: Good's Buffer (pH 6.8) 25 mmol/L 4-AMP: 0.8 mmol/L Cholesterol Oxidase (CHO): 3.7 IU/mL Cholesterol Esterase (CHE): 3.7 IU/mL Peroxidase(POD): 4.9 IU/mL Catalase: 743 IU/mL	432	ml
16.	Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần : Huyết thanh người đông khô gồm các chất phân tích: Alkaline Phosphatase, Alanine Aminotransferase, Aspartate Aminotransferase, Albumin, Amylase, Inorganic Phosphorus, Calcium, Creatinine, Lactate Dehydrogenase, GGlutamate Transpeptidase, Creatine Kinase, Lactate,	25	ml

		Magnesium, Total Protein, Acid Phosphatase, Urea, Uric Acid, Glucose, Iron, Triglycerides, Direct Bilirubin, Total Bilirubin, Cholesterol, Cholinesterase, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, và Unsaturated Iron Binding Capacity (UIBC)		
17.	Chất kiểm tra chung mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có chứa các lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích, nồng độ bên trong phạm vi tham chiếu:	20	ml
18.	Chất kiểm tra chung mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có chứa các lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích, nồng độ bên trong phạm vi tham chiếu:	20	ml
19.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Dải tuyến tính: 4-1400 mg/dL Phương pháp: GPO-POD Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) Tris buffer (pH: 6,8): 240 mM; Peroxidase: > 5000 U/L Glycerokinase: > 1000 U/L; Lipoprotein Lipase: > 15000 U/L; ATP: 4.5 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản Thuốc thử 2 (R2) 4- Aminoantipyrine < 15 mM; GPO: > 55000 U/L	500	ml
20.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Dải tuyến tính: Serum: 2-300 mg/dL, Urine: 15-4750 mg/dL Phương pháp: Xác định Urea bằng Enzym Thành phần: Thuốc thử 1 (R1) Tris buffer (pH 7.4): 150 mM; Urease \leq 30 kU/L GLDH \leq 1 kU/L; a-Ketoglutaric acid: 10 mM Chất bảo quản, chất không hoạt tính Thuốc thử 2 (R2): NADH: 0.32 mM	800	ml
21.	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid uric	Dải tuyến tính: Serum: 0.5 – 30 mg/dL, Urine: 0.4 – 550 mg/dL Phương pháp: Uricase/PAP Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) ; 4-aminoantipyrine : 1mM Peroxidase : > 15 KU/L Thuốc thử 2 (R2) : Uricase: >260 U/L	400	ml
22.	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Thành phần: Sodium: 172 +/- 8 mmol/L Conductivity: 28 +/- 1.4 mmol/L pH: 13.0 +/- 0.3 pH units	4.000	ml

3. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại Kho của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].

6. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

+ Sổ lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu phù hợp với trang thiết bị y tế báo giá theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [98/2021/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

+ Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá và đường Link tra cứu (nếu có);

+ Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;

- Lưu: VT, KD, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang, chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các loại hoá chất như sau:

1. Hoá chất sinh hoá đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan ALT					1.500	ml				
2.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Amylase					160	ml				
3.	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan AST					1.500	ml				
4.	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol					180	ml				
5.	Hóa chất xét nghiệm đo					60	ml				

	hoạt độ Creatinine kinase-MB										
6.	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB					1	ml				
7.	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB					2	ml				
8.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinin					252	ml				
9.	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần					840	ml				
10.	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp					840	ml				
11.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol					40	ml				
12.	Hóa chất xét nghiệm hoạt độ Gamma –					400	ml				

	Glutamyl Transferase (GGT)										
13.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong máu					720	ml				
14.	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL- Cholesterol					432	ml				
15.	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL- Cholesterol					432	ml				
16.	Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hóa					25	ml				
17.	Chất kiểm tra chung mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa					20	ml				
18.	Chất kiểm tra chung mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa					20	ml				
19.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides					500	ml				

20.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea					800	ml				
21.	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid uric					400	ml				
22.	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa					4.000	ml				
		Tổng giá trị thành tiền									
		Bằng chữ:									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng..... năm 20.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

